

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-PT

Ngày: 17/12/2021.

« V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại »

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu và ông Nguyễn Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLPT – DS ngày 08/10/2021 về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Th H, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 182 ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.
2. Bà Nguyễn Thị Th (tên gọi khác: Nguyễn Thị M), sinh năm 1971.
3. Bà Hoàng Thị D (tên gọi khác: Hoàng Thị T), sinh năm 1960.
4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.

Đều cư trú: xóm Đ, xã T Q, huyện T H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn:

1. Ủy ban nhân dân xã Thanh Quang, huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ – chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

2. Ủy ban nhân dân huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn M – chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – chức vụ: Trưởng phòng tư pháp huyện T H, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947.
2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945.
3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960.
4. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965.
5. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1964.
6. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1962.
7. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964.
8. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1971.
9. Bà Quách Thị O, sinh năm 1971.
10. Ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1969.
11. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1969.
12. Bà Lê Thị U', sinh năm 1970.
13. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972.
14. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1972.

Đều cư trú: xóm Đ, xã T Q, huyện T H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông Ch, ông Đ, ông T, ông B, ông Th, ông H, bà Ch, bà U', bà N, ông Th, bà D, bà O, bà H là: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị Th (tên gọi khác là Nguyễn Thị M), sinh năm 1971; bà Hoàng Thị D (tên gọi khác Hoàng Thị T), sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969. Đều cư trú: xóm Đ, xã T Q, huyện T H, tỉnh Hải Dương.

15. Chủ tịch UBND huyện Th H: Ông Phạm Văn M. Người đại diện theo ủy quyền của ông Mạnh: bà Nguyễn Thị Hương – Chức vụ: Trưởng phòng tư pháp huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: thị trấn Th H, huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

16. Chủ tịch UBND xã Thanh Quang: Ông Lê Văn Đ .

Địa chỉ: xã Th Q, huyện tỉnh Hải Dương.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị Môn), bà Hoàng Thị D (tên gọi khác: Hoàng Thị T) và bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa có mặt: ông L, bà Th, bà D, bà Ngh.

Vắng mặt: UBND xã Th Q, UBND huyện Th H, chủ tịch UBND xã Th Q, chủ tịch UBND huyện Th H. (có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, bà Hoàng Thị Doan, bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày: Xã Hợp Đức (nay

là xã Thanh Quang), huyện Th H, tỉnh Hải Dương khi thành lập thêm xóm Đồng Ngành cũng đồng thời hình thành bến đò Nhân Hiền để vận chuyển người và tài sản qua sông. Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014, ông Đặng Văn Đăng và ông Trịnh Văn Sơn được chở đò phục vụ bà con. Tuy nhiên, trong thời gian chở đò, ông Đăng và ông Sơn không tu sửa đò phục vụ bà con nên đò bị hư hỏng, xuống cấp. Nhiều lần cơ quan chức năng huyện Th H kiểm tra lập biên bản xử lý vi phạm yêu cầu dừng chở đò nhưng hai ông không chấp hành. Cuối năm 2013 bà Nguyễn Thị N với tư cách là trưởng xóm Đồng Ngành xin chủ trương đóng đò mới. Ông Lê Văn Hiền là chủ tịch UBND xã có ý kiến nhất trí. Ngày 28/10/2013 và ngày 01/11/2013 Bà N đã tổ chức họp dân để bàn về việc bỏ đò cũ, đóng đò mới. Cuộc họp trên không có biên bản và các thành viên không thống nhất được phương án giải quyết. Do kinh phí đóng đò lớn nên ông Nguyễn Văn Đăng và bà Nguyễn Thị N đã tập trung được 10 hộ dân tham gia góp tiền để đóng đò gồm: Ông Th – bà Nhãi; ông Đăng – bà Doan; ông Lai – bà Ương; ông Chuyền – bà Nghĩa; ông Cơ – bà Thu; ông Bốn; ông Huy – bà Oanh; ông Thủy – bà Dữ; bà Huệ; ông Toán – bà Chĩnh. Ngày 07/11/2013 Bà N làm đơn đề nghị mua đò và ký với tư cách trưởng xóm Đồng Ngành. Ông Lê Văn Hiền là chủ tịch xã đã xác nhận vào đơn với nội dung: *“UBND xã Hợp Đức đồng ý đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị N xóm trưởng Đồng Ngành. Khi tổ chức mua sắm con đò mới đảm bảo các thủ tục theo quy định của pháp luật cũng như trọng tài con đò”*. Ngay sau đó, 10 hộ dân đã liên hệ đóng đò. Ngày 01/12/2013 âm lịch (tức ngày 02/01/2014 dương lịch) đò về bến nhưng UBND xã không ký xác nhận để đò được đăng ký theo quy định của pháp luật. Bà N cùng một số công dân xóm đã nhiều lần làm đơn gửi đến UBND xã và UBND huyện để được xem xét giải quyết. Ngày 17/10/2014, chủ tịch UBND huyện Th H ban hành Kết luận số 322/KL-UBND về thanh tra việc quản lý nhà nước của UBND xã Hợp Đức đối với bến đò Nhân Hiền, xã Hợp Đức. Ngày 05/11/2014 một số hộ dân góp tiền đóng đò có đơn khiếu nại một số nội dung Kết Luận số 322 và khiếu nại việc Chủ tịch UBND xã Hợp Đức không ký xác nhận để làm thủ tục đăng ký đò. Ngày 14/11/2014 Bà N có đơn khiếu nại không nhất trí những nội dung trong Kết luận số 322 đối với bà. Ngày 15/12/2016 Chủ tịch UBND huyện Th H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 92 đối với bà Nguyễn Thị N và số 93 đối với nhóm đò ông Nguyễn Văn L. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của chủ tịch UBND huyện Th H, Bà N và một số hộ dân đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Tại bản án hành chính số 54/2019/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và bản

án hành chính phúc thẩm số 85/2020/HC-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy các quyết định hành chính số 92, 93 ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện Th H. Tuyên bố hành vi ký xác nhận vào đơn đề nghị được đóng đồ mới của Bà N ngày 01/11/2013 của Chủ tịch UBND xã Hợp Đức là trái pháp luật. Căn cứ vào các bản án có hiệu lực pháp luật nêu trên, ông bà đề nghị Tòa án buộc UBND xã Th Q và UBND huyện Th H bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

+. Yêu cầu UBND xã Th Q phải bồi thường do chủ tịch UBND xã có hành vi trái pháp luật, bao gồm các khoản bồi thường: Tiền lãi tính trên số tiền đóng đồ trong 13 tháng là 22.692.000đ; tiền công trông đồ 390 ngày là 39.000.000đ; tiền bảo dưỡng sơn là 2.650.000đ; tiền xe đi Hà Nội khiếu kiện là 4.800.000đ; tiền công đi Hà Nội 4 ngày là 4.800.000đ; tiền đi Hải Dương 06 ngày là 2.160.000đ; công đi Hải Dương 06 ngày là 12.000.000đ; xe đi UBND huyện Th H 07 ngày là 1.680.000đ; tiền công đi UBND huyện 07 ngày là 7.000.000đ; tiền phô tô tài liệu và gửi thư phục vụ khởi kiện là 300.000đ.

+. Yêu cầu UBND huyện Th H, tỉnh Hải Dương phải bồi thường do chủ tịch UBND huyện đã chậm giải quyết đơn khiếu nại và ban hành quyết định hành chính sai, bao gồm các khoản bồi thường: Lãi suất 68 tháng tính trên số tiền đóng đồ là 118.699.000đ; tiền công trông đồ 2041 ngày là 204.100.000đ; tiền thuê luật sư 36.000.000đ; tiền xe đi Hà Nội 02 ngày 2.400.000đ; tiền công đi Hà Nội 01 ngày 1.600.000đ; tiền xe đi Hải Dương 04 ngày là 1.440.000đ; tiền công đi Hải Dương 04 ngày là 8.000.000đ; tiền xe đi UBND huyện 08 ngày là 1.920.000đ; tiền công đi UBND huyện 08 lần là 8.000.000đ; tiền phô tô, công chứng và gửi tài liệu phục vụ việc khiếu kiện là 1.700.000đ.

+. Yêu cầu bồi thường tiền hao mòn con đồ, tổn thất tinh thần, sức khỏe theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe, rút yêu cầu bồi thường tiền phô tô, công chứng, gửi tài liệu đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình khiếu kiện. Đối với yêu cầu UBND huyện bồi thường, ngày 05/5/2015 cả ngày đi Hải Dương đi khiếu kiện nhưng nay xin rút còn ½ ngày đi Hải Dương tiền công còn ½ ngày đã tính vào tiền công đi UBND huyện khiếu kiện.

Trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn có căn cứ được Tòa án chấp nhận, các nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên trả tiền bồi

thường trực tiếp cho các nguyên đơn, sau này các nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán với từng hộ dân theo tỷ lệ góp tiền đóng đò.

Bị đơn là UBND huyện Th H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện Th H thống nhất trình bày: Hành vi vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại và ra quyết định giải quyết khiếu nại số 92, 93 của Chủ tịch UBND huyện Th H đã bị Tòa án tuyên là trái pháp luật nhưng theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước không quy định về việc bồi thường nên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn là UBND xã Th Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND xã Th Q thống nhất trình bày: Hành vi của chủ tịch UBND xã Th Q đã ký vào đơn của Bà N ngày 07/11/2013 đã bị Tòa án tuyên là trái pháp luật. Tuy nhiên hành vi này cũng không được liệt kê trong các phần mà Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước quy định. Mặt khác theo Luật Ngân sách, không có quy định UBND xã phải bồi thường trong trường hợp này. Thực tế dự toán ngân sách của xã Th Q không có khoản chi này. Do đó UBND xã cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Th, bà Nh, ông Đ, bà U, ông Ch, ông C, ông B, ông H, bà O, ông Th, bà D, bà H, ông T và bà Ch: Các ông bà đã ủy quyền cho ông L, bà Th, bà D, bà N. Quan điểm trình bày của nguyên đơn cũng chính là quan điểm của các ông bà, các ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu bồi thường vì thực tế các ông bà chỉ là người dân và thực hiện theo sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Nay hành vi chỉ đạo đó của UBND xã Th Q và hành vi giải quyết của UBND huyện Th H đã bị Tòa án tuyên là trái pháp luật nên phải có trách nhiệm bồi thường. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn có căn cứ chấp nhận thì các ông bà cũng đề nghị Tòa án giao cho các nguyên đơn, sau này các ông bà và các nguyên đơn sẽ tự phân chia với nhau.

Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá con đò như sau. Xác định đò ngang chở người làm bằng vật liệu thép, được sơn lớp vỏ thân đò. Kích thước trung bình của đò là 12,3 x 3,5 x 0,85 x 0,5. Chiều dày: Đáy 5mm, mạn 4mm, boong 4mm. Một phần con đò có lợp mái tôn có diện tích 22m². Về máy và hộp số: Máy chính, bộ hộp số, phụ kiện máy bơm..gồm 01 bộ, hộp số (bộ trục chân vịt, ống bao, cuống lái và phụ kiện): Gồm 01 bộ. Ngoài ra còn có các trang bị khác như bình cứu hỏa, phao (áo phao và phao tròn), dây neo và mỏ neo, đèn báo, máy nổ dự phòng. Tổng giá trị con đò tại thời điểm ngày

02/01/2014 (ngày dò về bến) là 243.756.000đ. Tổng giá trị còn lại của con dò tại thời điểm thẩm định giá là 149.500.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 07/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Th H, tỉnh Hải Dương căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật tố tụng hành chính; Điều 26, Điều 147, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Điều 7; Điều 17; Điều 52; Điều 53; Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Luật phí, lệ phí. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường tổn thất tinh thần, tổn thất sức khỏe, bồi thường chi phí phô tô, công chứng và gửi tài liệu dùng cho việc khiếu kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND xã Th Qbồi thường số tiền 185.752.000đ do Chủ tịch UBND xã Hợp Đức (nay là xã Thanh Quang) đã có hành vi vi phạm kỷ cho đi đóng dò nhưng không hoàn tất thủ tục và không cho được chở dò.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND huyện Th H bồi thường số tiền 389.514.000đ do Chủ tịch UBND huyện Th H đã chậm giải quyết đơn khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 92, 93 trái pháp luật.

4. Về chi phí thẩm định giá tài sản. Nguyên đơn phải chịu 5.000.000đ chi phí thẩm định giá tài sản, nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 07 năm 2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, bà Hoàng Thị Doan, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc UBND xã Thanh Quang, huyện Th H, tỉnh Hải Dương phải bồi thường số tiền 185.752.000đ. Buộc UBND huyện Th H, tỉnh Hải Dương phải bồi thường số tiền 389.514.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đại diện Viện kiểm sát phân tích các tình tiết của vụ án, các căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, ý kiến của các bên đương sự, đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th H, tỉnh Hải Dương. Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chủ tịch UBND xã Th Q và chủ tịch UBND huyện Th H nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, còn các ông Cơ, ông Chuyên, ông Đăng, ông Toán, ông Bốn, ông Thủy, ông Huy, bà Chính, bà Ưng, bà Nhĩ, ông Thắng, bà Dự, bà Oanh, bà Huệ đã ủy quyền cho các nguyên đơn. Căn cứ Điều 296 BLTTDS, HĐXX quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về pháp luật áp dụng: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc UBND xã Th Q và UBND huyện Th H bồi thường thiệt hại do chủ tịch UBND xã và chủ tịch UBND huyện có hành vi cũng như ban hành quyết định trái pháp luật gây thiệt hại cho các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu buộc UBND xã Thanh Quang, huyện Th H, tỉnh Hải Dương phải bồi thường số tiền 185.752.000đ và yêu cầu buộc UBND huyện Th H, tỉnh Hải Dương phải bồi thường số tiền 389.514.000đ. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HCST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và bản án hành chính phúc thẩm số 85/2020/HCPT ngày

22/5/2020 đều quyết định. Hành vi ký xác nhận của chủ tịch UBND xã Hợp Đức (nay là xã Thanh Quang) vào đơn đề nghị được đóng dấu mới của Bà Nngày 07/11/2013 là trái pháp luật. Tuyên hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 92, 93 ngày 15 tháng 01 năm 2016 của chủ tịch UBND huyện Th H, tỉnh Hải Dương. Như vậy có căn cứ xác định hành vi của chủ tịch UBND xã Th Qv và quyết định của chủ tịch UBND huyện Th H, tỉnh Hải Dương là những người thi hành công vụ đã thực hiện đều trái pháp luật trong lĩnh vực hoạt động quản lý hành chính. Từ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nêu trên đã gây ra thiệt hại thực tế cho người bị thiệt hại, cụ thể là các nguyên đơn cùng một số hộ dân góp tiền đóng dấu để sử dụng theo sự cho phép của chủ tịch UBND xã nhưng lại chưa khai thác sử dụng con dấu dẫn đến giá trị bị thiệt hại. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước lại nêu rõ có thiệt hại thực tế nhưng thiệt hại đó phải thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì yêu cầu bồi thường của các nguyên đơn mới có căn cứ được xem xét giải quyết mà Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định về phạm vi bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động quản lý hành chính có 14 trường hợp được bồi thường. Trong 14 trường hợp được liệt kê tại Điều 17 thì hành vi vi phạm của chủ tịch UBND xã Th Qv và UBND huyện Th H mà các nguyên đơn khởi kiện không thuộc một trong 14 trường hợp được pháp luật quy định. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường của các ông bà là có cơ sở pháp lý. Tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn không bổ sung thêm được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc bồi thường nêu trên của các nguyên đơn.

[2.2]. Về chi phí thẩm định giá tài sản và án phí sơ thẩm, tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo quy định tại Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 17 Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường. Đối chiếu với quy định trên, cấp sơ thẩm tuyên buộc các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tạm ứng án phí phúc thẩm và chi phí thẩm định giá là không đúng nên cấp phúc thẩm sẽ sửa để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Đối với tạm ứng án phí sơ thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự đã nộp sẽ được hoàn trả lại. Đối với chi phí thẩm định giá tài sản là

5.000.000đ. UBND xã Th Q tự nguyện chịu số tiền này nên các nguyên đơn đã nộp cũng sẽ được hoàn trả lại.

[3]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Th (tên gọi khác: Nguyễn Thị M), bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị D (tên gọi khác: Hoàng Thị T). Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng: Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7; Điều 17; Điều 52; Điều 53; Điều 76; Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Điều 17 Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND xã Th Q bồi thường số tiền 185.752.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND huyện Th H bồi thường số tiền 389.514.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: UBND xã Thanh Quang, huyện Th H, tỉnh Hải Dương tự nguyện hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Th (tên gọi khác: Nguyễn Thị M), bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị D (tên gọi khác: Hoàng Thị T) số tiền 5.000.000đ.

4. Về án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị D số tiền 11.600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002032 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0003823 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0003825 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0003824 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th H, tỉnh Hải Dương.

[2]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/12/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Th H;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND huyện Th H.
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- *VKSND huyện Cẩm Giàng*
- *Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

